

Bản án số: **39/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 11 tháng 9 năm 2018.
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Duy Khánh.*

** Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Lưu Công Tài.

2/. Bà Dư Thị Út.

** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B: Bà Lý Thử Dung - Kiểm sát viên.*

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 197/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018 ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: chị Phạm Thị Tuyết M – sinh năm 1991.*

Trú tại: số 6/28^B, đường C, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B. (có mặt)

** Bị đơn: anh Đỗ Thanh Đ – sinh năm 1989.*

Trú tại: số 2/93^B, đường C, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Phạm Thị Tuyết M, là nguyên đơn trình bày: Chị M và anh Đỗ Thanh Đ tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố B, tỉnh B vào ngày 12/8/2013. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do sống nhiều năm không có con, từ đó anh Đ thường xuyên vô cớ

chửi mắng chị M. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ giữa năm 2015 đến nay vợ chồng không còn chung sống. Trong thời gian sống riêng cả hai vợ chồng không ai nói đến việc đoàn tụ. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M xin được ly hôn với anh Đ. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ, nhưng anh Đ đều vắng mặt và không gửi văn bản hay ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M cho Tòa án.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh B phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Nguyên đơn là chị M chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không rõ lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị M và anh Đ chung sống có đăng ký kết hôn. Qua phần trình bày của chị M và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định chị M và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung: Chị M và anh Đ chung sống không có con chung nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do chị M và anh Đ đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

* Về mặt thủ tục tố tụng: Ngày 23/5/2018 Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý vụ án và đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Thanh Đ.

Theo chính quyền địa phương xác nhận anh Đ vẫn còn sinh sống tại địa chỉ số 2/93B, đường Cầu Kè, Khóm 5, Phường 2, thành phố B, tỉnh B. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Đ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, anh Đ đều vắng mặt. Đây là lần triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 3 nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

* Về mặt nội dung: Theo lời trình bày của chị Phạm Thị Tuyết M và giấy chứng nhận kết hôn thể hiện: chị M và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố B, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/8/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: ngày 22/6/2018 Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Quách Văn B, là trưởng khóm A, Phường B và bà Dương Thị Ngọc T, là phó chủ tịch Hội phụ nữ Phường B, thành phố B thì ông B và bà T xác định vợ chồng chị M và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng không còn chung sống. Quá trình giải quyết vụ án, chị M có cung cấp “Đơn trình xin vắng mặt” đề ngày 31/12/2017 của anh Đỗ Thanh Đ, nội dung đơn anh Đ xác định qua chung sống với nhau vợ chồng có nhiều bất đồng xảy ra, đã dẫn đến ly thân và anh Đ đồng ý ly hôn với chị M. Do đó, căn cứ vào lời khai của chị M, anh Đ và ý kiến của những người được xác minh nêu trên có đủ căn cứ xác định chị M và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và hiện không còn sống chung là có xảy ra trên thực tế.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ, nhưng anh vẫn không gửi văn bản hay ý kiến gì cho Tòa án, cũng như không có thiện chí tham gia các buổi hòa giải và xét xử. Mặt khác, hôn nhân phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm xuất phát từ hai phía vợ và chồng nhưng hiện tại chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thì có chung sống tiếp cũng không hạnh phúc. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh Đ.

- Về con chung: chị M xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu, anh Đ cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu, anh Đ cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: chị M xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu, anh Đ cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét giải quyết.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, như đã phân tích ở trên là có cơ sở, phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận toàn bộ.

- Về án phí: chị Phạm Thị Tuyết M là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Tuyết M;

Xử cho ly hôn mỗi quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Tuyết M đối với anh Đỗ Thanh Đ.

2/. Về con chung: Chị M xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu, anh Đ cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét.

3/. Về tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu, anh Đ cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét.

4/. Về nợ chung: Chị M xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu, anh Đ cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét.

5/. Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0008217 ngày 23/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị M có quyền kháng cáo bản án. Riêng anh Đ vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP.B;
- THA TP.B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

Trần Duy Khánh